



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 01/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên	
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2017
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên	
Ông Ngô Trung Hiếu	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 01/04/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Ông Huỳnh Quang Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hoàng Anh**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 18 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



*Vũ Xuân Biền*

**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>273.579.776.410</b>	<b>247.906.404.118</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>136.532.610.080</b>	<b>141.970.573.931</b>
111	1. Tiền		99.597.610.080	105.005.573.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.935.000.000	36.965.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>135.915.968.551</b>	<b>105.455.515.069</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	121.145.737.928	93.371.284.121
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.133.013.796	2.645.288.235
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.637.216.827	9.438.942.713
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>184.676.869</b>	<b>236.887.424</b>
141	1. Hàng tồn kho		184.676.869	236.887.424
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>946.520.910</b>	<b>243.427.694</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	946.520.910	206.013.146
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	37.414.548
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>163.702.271.592</b>	<b>162.759.532.842</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>17.127.873.000</b>	<b>21.727.873.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	16.950.000.000	21.550.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	177.873.000	177.873.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>71.449.674.592</b>	<b>67.166.935.842</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	67.442.036.078	62.948.549.416
222	- Nguyên giá		115.432.564.603	104.639.088.424
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.990.528.525)	(41.690.539.008)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.007.638.514	4.218.386.426
228	- Nguyên giá		5.812.569.453	5.812.569.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.804.930.939)	(1.594.183.027)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.645.000.000</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.645.000.000	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>73.479.724.000</b>	<b>73.864.724.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		64.618.344.000	64.628.344.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.736.380.000	7.736.380.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(375.000.000)	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>437.282.048.002</b>	<b>410.665.936.960</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>105.151.694.716</b>	<b>85.290.204.422</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>105.151.694.716</b>	<b>85.290.204.422</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	66.091.834.968	49.949.382.479
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		372.950.901	615.090.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.058.616.905	1.944.264.302
314	4. Phải trả người lao động		247.656.500	5.947.896.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		3.000.000	118.581.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	30.813.446.301	25.516.120.956
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.564.189.141	1.198.867.426
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>332.130.353.286</b>	<b>325.375.732.538</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>332.130.353.286</b>	<b>325.375.732.538</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		113.682.420.000	113.682.420.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>113.682.420.000</i>	<i>113.682.420.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.300.120.000)	(1.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.911.212.362	28.489.813.644
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		100.135.241.781	69.826.417.931
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.885.478.489	72.861.080.309
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>18.647.093.125</i>	<i>12.535.090.409</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>25.238.385.364</i>	<i>60.325.989.900</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>437.282.048.002</b>	<b>410.665.936.960</b>


Đoàn Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2017



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	316.219.493.260	226.905.252.026
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		316.219.493.260	226.905.252.026
11	4. Giá vốn hàng bán	20	256.635.009.711	175.495.596.702
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.584.483.549	51.409.655.324
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.846.332.806	10.410.461.237
22	7. Chi phí tài chính	22	802.651.226	613.397.250
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	23.219.553.500	19.696.518.966
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	7.320.432.949	6.863.024.046
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.088.178.680	34.647.176.299
31	11. Thu nhập khác		14.200.000	23.390.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		14.200.000	23.390.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.102.378.680	34.670.566.299
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	5.863.993.316	5.244.847.913
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>25.238.385.364</u>	<u>29.425.718.386</u>

Đoàn Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>31.102.378.680</b>	<b>34.670.566.299</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.510.737.429	4.869.938.451
03	- Các khoản dự phòng		375.000.000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		233.879.530	561.441.967
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.118.373.252)	(9.909.667.412)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>36.103.622.387</b>	<b>30.192.279.305</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(30.423.038.934)	(23.349.676.427)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.210.555	(25.887.504)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.646.817.103	10.259.240.716
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(740.507.764)	(536.509.658)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.024.615.415)	(2.450.559.228)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(261.097.901)	(550.094.690)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>17.353.390.031</b>	<b>13.538.792.514</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.438.476.179)	(1.604.193.727)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.885.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.600.000.000	3.900.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.118.373.252	9.827.452.412
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.710.102.927)</b>	<b>9.238.258.685</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(900.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.847.371.425)	(16.013.807.775)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(16.847.371.425)</b>	<b>(16.913.807.775)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(5.204.084.321)</b>	<b>5.863.243.424</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		141.970.573.931	101.195.986.500
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(233.879.530)	(561.441.967)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>136.532.610.080</u>	<u>106.497.787.957</u>



Đoàn Thu Hà  
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 01/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 113.682.420.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 113.682.420.000 đồng; tương đương 11.368.242 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải. Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa. Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa. Đại lý tàu biển. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển. Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ, Công ty đẩy mạnh phát triển các hoạt động liên quan đến logistic và hoạt động giao nhận đường biển và đường không. Số lượng đơn hàng tăng lên đồng thời ở cả các chi nhánh và văn phòng Công ty. Điều này dẫn đến doanh thu có xu hướng tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Vân Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TTC  
BT  
HCU  
ATC  
C  
P.V

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng vụ việc chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 9.488,4 m <sup>2</sup> đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm và trích khấu hao theo thời gian sử dụng.	
- Phần mềm máy tính	03 năm

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thuê nhà, điện nước... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.15 . Doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	830.110.414	613.950.884
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.767.499.666	104.391.623.047
Các khoản tương đương tiền	36.935.000.000	36.965.000.000
	<u><b>136.532.610.080</b></u>	<u><b>141.970.573.931</b></u>

Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 1.500.000 USD (tương đương 34.050.000.000 VND) được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 0%/năm và 2.885.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 6,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>64.618.344.000</b>	-	<b>64.628.344.000</b>	-
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi <sup>(1)</sup>	990.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(2)</sup>	3.628.344.000	-	3.628.344.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi <sup>(3)</sup>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>7.736.380.000</b>	-	<b>7.736.380.000</b>	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) <sup>(4)</sup>	4.350.780.000	-	4.350.780.000	-
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam <sup>(5)</sup>	3.385.600.000	-	3.385.600.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(375.000.000)</b>	<b>1.500.000.000</b>	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	(375.000.000)	1.500.000.000	-
	<b>73.854.724.000</b>	<b>(375.000.000)</b>	<b>73.864.724.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại Công ty**

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi (1)	Thành phố Hồ Chí Minh	99,00%	99,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam (2)	Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi (3)	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 thay đổi lần thứ 02 ngày 07/02/2017, Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi chuyển đổi sang loại hình từ Công ty TNHH MTV sang loại hình Công ty TNHH hai thành viên với vốn điều lệ là 1 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi chiếm 99% vốn điều lệ.

(2) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 60 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi cam kết góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2017 là 60 tỷ đồng.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (4)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (5)	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(4) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(5) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt và KCTC và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Số cổ phiếu đang nắm giữ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	Hà Nội	150.000	Dịch vụ vận tải

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Phải thu các hãng tàu	17.292.235.222	16.320.396.108
Phải thu khách hàng giao nhận	34.045.996.185	32.474.198.845
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	69.807.506.521	44.576.689.168
	<b><u>121.145.737.928</u></b>	<b><u>93.371.284.121</u></b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	-	-	2.327.103.786	-
Trả trước cho người bán khác	1.133.013.796	-	318.184.449	-
	<b><u>1.133.013.796</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.645.288.235</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	16.950.000.000	21.550.000.000
	<b><u>16.950.000.000</u></b>	<b><u>21.550.000.000</u></b>

Khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi vay có thời hạn 05 năm, không tính lãi để thanh toán các khoản nợ từ việc mua tòa nhà 209 - Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	75.566.203	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	6.446.475	-	-	-
Tạm ứng	8.196.861.386	-	7.704.114.683	-
Ký cược, ký quỹ	2.200.271.616	-	1.120.935.604	-
Phải thu khác	3.233.637.350	-	538.326.223	-
	<b>13.637.216.827</b>	<b>-</b>	<b>9.438.942.713</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	177.873.000	-	177.873.000	-
	<b>177.873.000</b>	<b>-</b>	<b>177.873.000</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.453.085	-	103.030.167	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.223.784	-	133.857.257	-
	<b>184.676.869</b>	<b>-</b>	<b>236.887.424</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mua sắm phương tiện vận tải	1.645.000.000	-
	<b>1.645.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	36.305.604.855	256.460.534	67.021.584.685	1.055.438.350	104.639.088.424
- Mua trong kỳ	-	-	10.727.567.088	65.909.091	10.793.476.179
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>36.305.604.855</b>	<b>256.460.534</b>	<b>77.749.151.773</b>	<b>1.121.347.441</b>	<b>115.432.564.603</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	14.702.291.569	103.296.608	25.924.398.768	960.552.063	41.690.539.008
- Khấu hao trong kỳ	836.950.836	21.371.712	5.399.177.175	42.489.794	6.299.989.517
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.539.242.405</b>	<b>124.668.320</b>	<b>31.323.575.943</b>	<b>1.003.041.857</b>	<b>47.990.528.525</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	21.603.313.286	153.163.926	41.097.185.917	94.886.287	62.948.549.416
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>20.766.362.450</b>	<b>131.792.214</b>	<b>46.425.575.830</b>	<b>118.305.584</b>	<b>67.442.036.078</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.069.740.884 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.517.324.453	1.295.245.000	5.812.569.453
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.517.324.453</b>	<b>1.295.245.000</b>	<b>5.812.569.453</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	996.468.581	597.714.446	1.594.183.027
- Khấu hao trong kỳ	66.431.244	144.316.668	210.747.912
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.062.899.825</b>	<b>742.031.114</b>	<b>1.804.930.939</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	3.520.855.872	697.530.554	4.218.386.426
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.454.424.628</b>	<b>553.213.886</b>	<b>4.007.638.514</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 429.345.000 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	484.430.910	206.013.146
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	462.090.000	-
	<b>946.520.910</b>	<b>206.013.146</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	21.833.595.083	21.833.595.083	14.760.840.319	14.760.840.319
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	21.484.421.993	21.484.421.993	13.689.561.425	13.689.561.425
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	13.749.033.166	13.749.033.166	15.531.407.830	15.531.407.830
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	8.961.145.802	8.961.145.802	5.903.099.303	5.903.099.303
Phải trả dịch vụ khác	63.638.924	63.638.924	64.473.602	64.473.602
	<b>66.091.834.968</b>	<b>66.091.834.968</b>	<b>49.949.382.479</b>	<b>49.949.382.479</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		292.787.123		2.787.849.551		2.336.100.814		-			744.535.860
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.253.025.265		5.863.993.316		3.024.615.415		-			4.092.403.166
Thuế Thu nhập cá nhân	-		398.451.914		2.048.918.774		2.225.692.809		-			221.677.879
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		73.839.798		73.839.798		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		10.000.000		10.000.000		-			-
			<b>1.944.264.302</b>		<b>10.784.601.439</b>		<b>7.670.248.836</b>					<b>5.058.616.905</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
- Kinh phí công đoàn	678.924.761		650.659.985	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	362.512.841		387.512.841	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	161.677.255		151.703.680	
- Phải trả cược nhập các hãng đại lý	21.389.441.382		23.310.618.257	
- Phải trả tiền ứng trước tiền cược (*)	6.855.264.348		-	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.365.625.714		1.015.626.193	
	<b>30.813.446.301</b>		<b>25.516.120.956</b>	

(\*) Khoản tiền đối tác tạm ứng cho Công ty để thanh toán các khoản cược các lô hàng mà hai bên chưa đối chiếu được công nợ cược phí trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>108.330.890.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	<b>(400.120.000)</b>	<b>24.989.189.178</b>	<b>55.786.103.434</b>	<b>47.346.317.072</b>	<b>277.868.500.338</b>
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	29.425.718.386	29.425.718.386
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.500.624.466	14.040.314.497	(17.540.938.963)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(900.000.000)	-	-	-	(900.000.000)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.215.672.200)	(1.215.672.200)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(16.054.615.500)	(16.054.615.500)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>108.330.890.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	<b>(1.300.120.000)</b>	<b>28.489.813.644</b>	<b>69.826.417.931</b>	<b>41.960.808.795</b>	<b>289.123.931.024</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>113.682.420.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	<b>(1.300.120.000)</b>	<b>28.489.813.644</b>	<b>69.826.417.931</b>	<b>72.861.080.309</b>	<b>325.375.732.538</b>
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	25.238.385.364	25.238.385.364
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.421.398.718	30.308.823.850	(35.730.222.568)	-
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.626.419.616)	(1.626.419.616)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(16.857.345.000)	(16.857.345.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>113.682.420.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	<b>(1.300.120.000)</b>	<b>33.911.212.362</b>	<b>100.135.241.781</b>	<b>43.885.478.489</b>	<b>332.130.353.286</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/DHCD/SAFI-2017 ngày 01 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016	100,00%	54.213.987.184
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.421.398.718
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	55,91%	30.308.823.850
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3,00%	1.626.419.616
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	31,09%	16.857.345.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	18,36%	20.867.490.000	18,36%	20.867.490.000
Mutual fund Elite	5,18%	5.888.000.000	5,18%	5.888.000.000
America LLC	12,88%	14.641.500.000	11,32%	12.864.600.000
Halley Sicav	6,85%	7.782.700.000	6,85%	7.782.700.000
Các cổ đông khác	55,60%	63.202.610.000	57,16%	64.979.510.000
Cổ phiếu quỹ	1,13%	1.300.120.000	1,13%	1.300.120.000
	<b>100%</b>	<b>113.682.420.000</b>	<b>100%</b>	<b>113.682.420.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	113.682.420.000	108.330.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>113.682.420.000</i>	<i>108.330.890.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>113.682.420.000</i>	<i>108.330.890.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.857.345.000	16.054.615.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>16.857.345.000</i>	<i>16.054.615.500</i>

**d) Các quỹ công ty**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.911.212.362	28.489.813.644
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.135.241.781	69.826.417.931
	<b>134.046.454.143</b>	<b>98.316.231.575</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.083.083,57	4.606.835,52

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	316.219.493.260	226.905.252.026
	<b>316.219.493.260</b>	<b>226.905.252.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	256.635.009.711	175.495.596.702
	<b><u>256.635.009.711</u></b>	<b><u>175.495.596.702</u></b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	102.081.622	164.243.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.016.291.630	9.745.423.723
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	727.959.554	500.793.825
	<b><u>2.846.332.806</u></b>	<b><u>10.410.461.237</u></b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	193.771.696	51.955.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	233.879.530	561.441.967
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	375.000.000	-
	<b><u>802.651.226</u></b>	<b><u>613.397.250</u></b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.726.642.076	12.925.100.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.019.704.381	697.663.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.545.878.399	4.561.939.055
Chi phí khác bằng tiền	1.927.328.644	1.511.816.301
	<b><u>23.219.553.500</u></b>	<b><u>19.696.518.966</u></b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.145.125.336	2.751.316.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.576.364	950.664.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.192.395.268	2.252.429.754
Chi phí khác bằng tiền	976.335.981	908.613.697
	<b><u>7.320.432.949</u></b>	<b><u>6.863.024.046</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.102.378.680	34.670.566.299
Các khoản điều chỉnh tăng	233.879.530	635.554.833
- Chi phí không được trừ	233.879.530	635.554.833
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.016.291.630)	(9.745.423.723)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.016.291.630)	(9.745.423.723)
Thu nhập chịu thuế TNDN	29.319.966.580	25.560.697.409
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	132.708.431
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>5.863.993.316</u></b>	<b><u>5.244.847.913</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.253.025.265	271.703.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.024.615.415)	(2.450.559.228)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>4.092.403.166</u></b>	<b><u>3.065.992.592</u></b>

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.278.114.222	4.721.264.418
Chi phí nhân công	20.240.965.412	16.508.122.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.510.737.429	4.869.938.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.519.915.948	162.650.456.921
Chi phí khác bằng tiền	17.595.629.676	13.274.712.406
	<b><u>287.145.362.687</u></b>	<b><u>202.024.494.670</u></b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.532.610.080	-	141.970.573.931	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.960.827.755	-	102.988.099.834	-
Các khoản cho vay	16.950.000.000	-	21.550.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	(375.000.000)	1.500.000.000	-
	<b>289.943.437.835</b>	<b>(375.000.000)</b>	<b>268.008.673.765</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	96.905.281.269	75.465.503.435
Chi phí phải trả	3.000.000	118.581.818
	<b>96.908.281.269</b>	<b>75.584.085.253</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	1.125.000.000	-	1.125.000.000
	<u>-</u>	<u>1.125.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.125.000.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<u>-</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.500.000.000</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.532.610.080	-	-	136.532.610.080
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.782.954.755	177.873.000	-	134.960.827.755
Các khoản cho vay	-	16.950.000.000	-	16.950.000.000
	<b><u>271.315.564.835</u></b>	<b><u>17.127.873.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>288.443.437.835</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.970.573.931	-	-	141.970.573.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.810.226.834	177.873.000	-	102.988.099.834
Các khoản cho vay	-	21.550.000.000	-	21.550.000.000
	<b><u>244.780.800.765</u></b>	<b><u>21.727.873.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>266.508.673.765</u></b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	96.905.281.269	-	-	96.905.281.269
Chi phí phải trả	3.000.000	-	-	3.000.000
	<b>96.908.281.269</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>96.908.281.269</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	75.465.503.435	-	-	75.465.503.435
Chi phí phải trả	118.581.818	-	-	118.581.818
	<b>75.584.085.253</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>75.584.085.253</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động Logistic		Hoạt động Forwarding		Dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	83.906.974.183	221.445.496.668	10.867.022.409	316.219.493.260	316.219.493.260	316.219.493.260	316.219.493.260	316.219.493.260	316.219.493.260	316.219.493.260
Chi phí bộ phận trực tiếp	59.543.265.567	190.009.519.227	7.082.224.917	256.635.009.711	256.635.009.711	256.635.009.711	256.635.009.711	256.635.009.711	256.635.009.711	256.635.009.711
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.363.708.616</b>	<b>31.435.977.441</b>	<b>3.784.797.492</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>	<b>59.584.483.549</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	12.438.476.179	-	-	12.438.476.179	12.438.476.179	12.438.476.179	12.438.476.179	12.438.476.179	12.438.476.179	12.438.476.179
Tài sản bộ phận	59.868.184.757	158.002.836.321	7.753.692.844	225.624.713.922	225.624.713.922	225.624.713.922	225.624.713.922	225.624.713.922	225.624.713.922	225.624.713.922
Tài sản không phân bổ	-	-	-	211.657.334.080	211.657.334.080	211.657.334.080	211.657.334.080	211.657.334.080	211.657.334.080	211.657.334.080
<b>Tổng tài sản</b>	<b>59.868.184.757</b>	<b>158.002.836.321</b>	<b>7.753.692.844</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>	<b>437.282.048.002</b>
Nợ phải trả bộ phận	27.901.380.914	73.636.729.418	3.613.584.384	105.151.694.716	105.151.694.716	105.151.694.716	105.151.694.716	105.151.694.716	105.151.694.716	105.151.694.716
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>27.901.380.914</b>	<b>73.636.729.418</b>	<b>3.613.584.384</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>	<b>105.151.694.716</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Đoàn Thu Hà**  
Người lập



**Nguyễn Thanh Tuyền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hoàng Anh**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2017

